TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 27 – 01 – 2022
"V/v tranh chấp thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Văn Công Trọn

- Thư kY phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến, là Thư kY Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên (có mặt).

Trong các ngày 27, 28 tháng 12 năm 2021 và ngày 24, 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 286/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Thị Nh, sinh năm: 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thanh Tùng, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh Tùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Anh Lý Hoàng Nh (Nh Anh), sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lý Kim V, sinh năm: 1941 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Văn M, sinh năm: 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Văn D (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông D:

Bà Đặng Thị C, sinh năm: 1956 (vợ ông D), (xin vắng mặt).

Chị Lý Xuân Nh, sinh năm: 1977 (con ông D), (xin vắng mặt).

Chị Lý Hồng Nh (Giàu), sinh năm: 1981 (con ông D), (xin vắng mặt).

Anh Lý Thanh H (Đảm), sinh năm: 1983 (con ông D), (xin vắng mặt).

Anh Lý Hồng Nh (Hoàng Nh), sinh năm: 1984 (con ông D), (có mặt).

Chị Phan Thị Th (Thảo), sinh năm: 1982 (vợ Nh), (có mặt).

Anh Lý Công L, sinh năm: 1990 (con ông D), (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Văn B, sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Văn V, sinh năm: 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Lý Văn Ph (đã chết).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Ph:

Bà Trần Thị Đ (Huệ Đ), sinh năm: 1967 (vợ trước ông Ph), (vắng mặt).

Anh Lý Nhựng E, sinh năm: 1989 (con ông Ph), (xin vắng mặt).

Chị Lý Kim H, sinh năm: 1991 (con ông Ph), (vắng mặt).

Anh Lý H (TY), sinh năm: 1993 (con ông Ph), (vắng mặt).

Chị Lý Thị Như Y, sinh năm: 1998 (con ông Ph), (vắng mặt).

Chị Phạm Thị V, sinh năm: 1992 (vợ Nh), (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà Đỗ Thị H (vợ sau ông Ph), (từ chối tham gia tố tụng).

Anh Lý Hoài Th (con ông Ph), (từ chối tham gia tố tụng).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, các đương sự trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

- Bà Lý Thị Nh trình bày: Cha bà là ông Lý Tùng Ch, mẹ bà là bà Lê Thị X sinh được 07 người con gồm Lý Kim V, Lý Văn M, Lý Văn D, Lý Thị Nh, Lý Văn B, Lý Văn V, Lý Văn Ph. Lúc sinh thời, cha mẹ bà có tạo lập được một phần đất tổng diện tích hơn 30.000m^2. Năm 1986 cha mẹ bà thỏa thuận miệng phân chia đất cho các con gồm Lý Văn M 03 công, Lý Văn D 02 công, Lý Văn B 05 công, Lý Văn V 02 công, Lý Văn Ph 03 công, tính từ hậu đất ra mặt tiền, phần đất còn lại cho Lý Thị Nh. Sau khi phân chia của ai thì người đó quản lý, sử dụng nhưng chưa tách quyền sử dụng đất, riêng ông M đã đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 1991, cha bà được UBND huyện T, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 31.240m^2. Năm 1993 ông Ch chết không để lại di chúc. Năm 1997, ông Ph tự ý làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Ph. Sau khi được chuyển tên, ông Ph mang thế chấp Ngân hàng và cầm cố cho nhiều người, bà phải xuất tiền và vàng để chuộc lại. Năm 2007 ông Ph chết, vợ và các con ông Ph về sinh sống trên phần đất này. Ngày 20/4/2009, mẹ bà tổ chức họp gia đình và lập di chúc phân chia đất cho các con giống như việc phân chia miệng năm 1986. Năm 2008 bà đứng ra cho Lý Hoàng Nh thuê 05 công đất ruộng, Lý Hồng Nh 05 công đất ruộng, giá mỗi công 10 giạ lúa/năm. Nh trả lúa thuê cho bà đầy đủ đến năm 2016 thì không trả nữa mà chiếm luôn phần đất bà đã cho Nh thuê. Năm 2015 mẹ bà chết, đến năm 2017 ông D chết.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu phân chia thừa kế theo di chúc của mẹ bà để lại, theo đó bà được hưởng 10.227m^2 đất ruộng, 3.282m^2 đất vườn và thổ cư; yêu cầu Nh trả lại số vàng bà xuất ra chuộc đất tương ứng với phần đất Nh được hưởng; yêu cầu Nh trả tiền thuê đất từ năm 2017 đến nay, mỗi năm 100 giạ lúa/10 công, mỗi giạ lúa giá 100.000đ, tổng số tiền 50.000.000đ. Đối với phần đất ông M, ông B, ông V sử dụng ổn định từ trước đến nay thì giữ nguyên.

- Trong đơn phản tố ngày 10/01/2019, anh Lý Hoàng Nh trình bày: Phần đất có diện tích 31.240m^2 của ông bà nội anh khai phá và quản lý sử dụng. Sau khi ông nội anh chết để lại cho cha anh là Lý Văn Ph đứng tên. Sau đó cha anh đi thế chấp Ngân hàng và cố cho nhiều người. Khi cha anh chết thì bà Nh tự ý bỏ vàng ra chuộc đất và đến Ngân hàng trả tiền đồng thời giữ giấy luôn. Trước đây, anh không biết đất do cha anh đứng tên nên có thuê của bà Nh để canh tác, sau đó biết được thì anh quản lý, sử dụng cho đến nay. Vì vậy, anh yêu cầu giữ nguyên hiện trạng theo đo đạc thực tế có diện tích 18.539m^2 cho gia đình anh; yêu cầu bà Nh trả lại căn nhà của cha anh xây dựng trước đây; yêu cầu bà Nh trả lại giá trị 02 cây khế bà Nh đã bán cho người khác trị giá 20.000.000đ; yêu cầu ông B, ông D di dời nhà trả đất cho gia đình anh.

Tại phiên tòa, anh rút lại yêu cầu những người đang ở trên đất di dời nhà trả đất cho anh; rút lại yêu cầu bà Nh trả tiền 02 cây khế; anh xác định toàn bộ phần đất là di sản của ông bà nội anh và đồng ý phân chia theo pháp luật; anh đồng ý trả lại phần vàng bà Nh chuộc đất và phần tiền bà Nh cho anh thuê đất tương ứng với phần anh được hưởng; anh thống nhất giữ nguyên phần đất của những người đang quản lý, sử dụng trừ trước đến nay.

- Bà Lý Kim V thống nhất theo lời trình bày của bà Nh, tại phiên tòa bà yêu cầu được hưởng 02 công đất ruộng nhưng cho lại bà Nh quản lý, sử dụng. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

- Ông Lý Văn M thống nhất theo lời trình bày của bà Nh, tại phiên tòa ông yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng phần đất ruộng của ông D chuyển nhượng lại cho ông theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 3.448,7m^2. Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

- Ông Lý Văn B thống nhất theo lời trình bày của bà Nh, tại phiên tòa ông yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng phần đất ruộng của ông quản lý, sử dụng từ trước đến nay theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 7.607,9m^2. Ngoài ra, ông yêu cầu được chia một phần đất tại vị trí ông ở hiện nay để gia đình ông tiếp tục cất nhà ở ổn định.

- Ông Lý Văn V thống nhất theo lời trình bày của bà Nh, tại phiên tòa ông yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng phần đất ruộng của ông quản lý, sử dụng từ trước đến nay theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 3.140,5m^2. Ngoài ra, ông yêu cầu được chia một phần đất để cất nhà ở.

- Anh Lý Hồng Nh thống nhất theo lời trình bày của bà Nh, tại phiên tòa anh yêu cầu được chia một phần đất tại vị trí anh ở hiện nay để gia đình anh tiếp tục cất nhà ở ổn định.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Nguồn gốc đất của ông Ch và bà X có tổng diện tích khoảng 32.000m^2, ông bà đã phân chia cho các con từ năm 1986, mỗi người đã quản lý, sử dụng riêng, không ai tranh chấp. Năm 2009, bà X lập di chúc để phân chia lại cho các con phù hợp với ý chí của ông bà đã phân chia trước đó và di chúc đã được chứng thực nên hợp pháp. Việc lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ ông Ch sang cho ông Ph là không hợp pháp, vì ông Ch đã chết, nếu lập thủ tục sang tên cho ông Ph phải được sự đồng ý của các đồng thừa kế của ông Ch đồng ý mới hợp lệ nhưng ở đây không có thủ tục này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo di chúc của bà X, buộc Nh trả cho bà Nh 10.227m^2 đất ruộng, 3.282m^2 đất vườn và thổ cư; buộc Nh trả lại phần vàng cho bà Nh xuất ra chuộc đất tương ứng với phần đất ông Ph được hưởng và trả tiền thuê đất từ năm 2017 đến nay; đề nghị giữ nguyên phần đất của ông M, ông D, ông B, ông V đang quản lý, sử dụng.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Di chúc của bà X là không có căn cứ. Vì phần đất là của ông Ch và bà X, khi ông Ch chết thì việc định đoạt di sản phải có sự đồng ý của tất cả các thừa kế của ông Ch nhưng biên bản họp gia đình không có sự tham gia của gia đình ông Ph. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo di chúc mà chấp nhận yêu cầu của bị đơn chia thừa kế theo pháp luật; chấp nhận sự tự nguyện của bị đơn trả lại vàng chuộc đất và tiền thuê đất theo kỷ phần tương ứng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là tương đối đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định do vi phạm thời hạn hoãn phiên tòa. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần phản tố của bị đơn, phân chia thừa kế theo pháp luật. Đối với đất vườn và thổ cư chia 05 phần gồm anh Nh, bà Nh, anh Nh, ông V và ông B; đối với đất ruộng chia 03 phần gồm Nh, Nh, V nhưng V cho Nh; phần còn lại theo hiện trạng sử dụng thực tế của ông V, B, M theo sơ đồ đo đạc tách diện tích cụ thể kèm theo; buộc anh Nh trả lại số vàng cho bà Nh tương ứng phần đất được chia; không chấp nhận yêu cầu bà Nh đòi Nh trả tiền thuê đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lý Thị Nh khởi kiện anh Lý Hoàng Nh để yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Ch và bà X để lại. Do đó, về tư cách tham gia tố tụng bà Nh là nguyên đơn; anh Nh là bị đơn; những người cùng hàng thừa kế với bà Nh và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người đã chết (hàng thừa kế của ông D, ông Ph) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan trong vụ á n là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Loại việc các bên tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bà C, chị Xuân Nh, chị Hồng Nh, anh H, anh L, anh Nhựng E có yêu cầu vắng mặt; bà Đ, chị H, chị Y, chị V, anh H vắng mặt không lý do; bà H, anh Th khước từ tham gia tố tụng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo luật định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất. Phần đất tọa lạc tại ấp Tham Trơi B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[3] Xét về nguồn gốc đất: Do ông Lý Tùng Ch và bà Lê Thị X tạo lập, năm 1991 ông Ch được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 292, 295, 296, tờ bản đồ 03 với tổng diện tích 31.240m^2. Tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 32.516,3m^2. Như vậy, về mặt pháp lý và trên thực tế thì phần diện tích đất này của ông Ch và bà X tạo lập và quản lý, sử dụng hợp pháp. Năm 1993 ông Ch chết không để lại di chúc. Năm 1997, ông Ph lập thủ tục chuyển tên quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Ph. Sau khi được chuyển tên, ông Ph mang thế chấp Ngân hàng và cầm cố cho nhiều người khác.

[4] Xét thủ tục chuyển đổi tên quyền sử dụng đất từ ông Ch sang ông Ph là không phù hợp quy định của Luật đất đai. Bởi khi ông Ch chết không để lại di chúc thì các đồng thừa kế của ông Ph phải có văn bản thỏa thuận phân chia di sản hoặc từ chối nhận di sản (giấy tờ hợp pháp về thừa kế - điểm c khoản 1 Điều 100

Luật đất đai) thì mới đăng ký được quyền sử dụng đất. Qua thu thập tài liệu, chứng cứ của cơ quan quản lý hồ sơ đất đai thì không thể hiện văn bản nêu trên. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất nêu trên vẫn được xác định là di sản của ông Ch và một phần tài sản của bà X.

[5] Xét bản di chúc lập ngày 20/4/2009 của bà X là không hợp pháp. Bởi bà X không tự lập được di chúc mà phải nhờ người viết hộ di chúc, theo quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự thì di chúc nhờ người viết hộ phải có ít nhất 02 người làm chứng nhưng ở đây chỉ có một mình người viết hộ. Bên cạnh đó, thủ tục chứng thực di chúc không đảm bảo theo Điều 636 của Bộ luật dân sự, vì không ký trước mặt của người có thẩm quyền chứng thực mà sau 08 tháng kể từ thời điểm lập di chúc mới được UBND cấp xã xác nhận chữ ký của Trưởng Ban nhân dân ấp. Mặt khác, một mình bà X không có toàn quyền định đoạt khối tài sản chung của vợ chồng; hơn nữa, việc định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất trong di chúc không thể hiện rõ kích thước, mốc giới cụ thể của thửa đất cho từng người được hưởng thừa kế.

Do vậy, toàn bộ khối tài sản chung của ông Ch và bà X được xác định là di sản thừa kế không có di chúc nên được phân chia theo pháp luật là có căn cứ.

[6] Nếu mỗi cá nhân trong cùng hàng thừa kế được hưởng kỷ phần bằng nhau trong tổng diện tích 32.516,3m^2 thì mỗi kỷ phần được nhận 4.645m^2. Tuy nhiên, trong tổng diện tích đất này, các đồng thừa kế xác định phần đất ruộng đã phân chia cho một số người gồm ông D, ông B, ông V (phần ông D đã chuyển nhượng lại cho ông M) quản lý, sử dụng từ trước đến nay không ai tranh chấp nên đề nghị giữ nguyên hiện trạng thực tế sử dụng là phù hợp. Hiện phần đất ruộng còn lại 14.650,6m^2 được chia cho bà Nh, bà V và gia đình anh Nh. Trong số này, bà V yêu cầu được nhận 02 công có diện tích 2.592m^2 nhưng đồng ý giao lại cho bà Nh và bà Nh đồng ý nhận nên diện tích còn lại là 12.058,6m^2, sau khi trừ phần đường nước và lối đi chung để sản xuất nông nghiệp cho gia đình thì phần diện tích đất ruộng bà Nh được nhận là 8.083,9m^2; phần diện tích đất ruộng gia đình anh Nh được nhận là 6.030m^2.

[7] Đối với phần đất ở và đất vườn: Như phân tích đánh giá nêu trên, việc chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ch cho ông Ph là không hợp pháp nên quyền sử dụng đất vẫn thuộc ông Ch, trong đó có 500m^2 đất ở nhưng không xác định cụ thể vị trí ở đâu; 3.168,6m^2 đất vườn. Do hình thể thửa đất này phức tạp, các cạnh cong, gấp khúc, không đồng đều nhau, một phần sử dụng làm khu mộ gia đình, có 04 ngôi nhà trên đất và một công trình kèm theo. Hiện có 05 người thừa kế yêu cầu phân chia gồm anh Nh, bà Nh, anh Nh, ông V và ông B. Trường hợp chia đều diện tích và các cạnh cho 05 kỷ phần bằng nhau thì hình thể các thửa đất mất thẩm mỹ, ảnh hưởng đến một số công trình trên hiện trạng (giếng khoan) và sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng về sau của chủ sử dụng. Do đó, việc phân chia mang tính tương đối nhưng diện tích chênh lệch không đáng kể, vẫn đảm bảo mỗi người được chia phần mặt tiền có đất ở, sử dụng ổn định, lâu dài, đảm bảo vẻ mỹ quan, văn minh và thuận tiện trong việc sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp.

Theo đó, tính từ ranh giới giáp phần đất ông Thành đo qua, sau khi trừ 03m đường nước và lối đi chung; khu mộ gia đình thì phần gia đình anh Nh là 569,8m^2; phần bà Nh là 482,8m^2; phần gia đình anh Nh là 480,7m^2; phần ông V là 417,9m^2; phần ông B là 394,0m^2. Riêng phần đất vườn còn lại phía sau khu mộ đến giáp mí ruộng có diện tích không lớn, nếu phân chia dọc theo những người được chia phía mặt tiền thì bị đứt đoạn, diện tích manh nha, không đảm bảo sử dụng và khai thác có hiệu quả. Trong khi đó, phần đất ruộng anh Nh được chia tiếp giáp vị trí này, để thuận tiện cho việc đi lại, sản xuất nông nghiệp nên giao cho anh Nh được nhận phần này là phù hợp.

[8] So với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ trước đây thì hiện trạng hiện nay đã thay đổi cơ bản như các ngôi nhà đã xuống cấp nghiêm trọng gần như không còn sử dụng được trong mùa mưa bảo; cây cối, hoa màu một số loại không còn, tuy một số còn nhưng không có thu hoạch. Vì vậy, trường hợp phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ở và đất vườn có ảnh hưởng đến nhà, cây cối hoặc hoa màu của những người đang sinh sống trên đất thì họ đồng ý tự nguyện di dời theo đúng vị trí đất được phân chia mà không đặt ra yêu cầu nào khác nên không xem xét là phù hợp.

[9] Mặc dù các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này không có đơn yêu cầu độc lập, không nộp tiền tạm ứng án phí nhưng cần phải xác định yêu cầu chia thừa kế của họ không phải là yêu cầu độc lập mà là yêu cầu cùng với nguyên đơn, việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao quát cả yêu cầu của họ. Hơn nữa, trong vụ án thừa kế, đương sự chỉ phải chịu án phí đối với phần di sản họ được nhận. Mặt khác, đa số họ thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí theo quy định, đồng thời nếu không đưa họ vào tham gia tố tụng thì không xem xét, giải quyết toàn diện vụ án và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì thế, việc đưa họ vào tham gia tố tụng và giải quyết việc phân chia thừa kế cho họ là có cơ sở.

[10] Đối với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông D hiện không có yêu cầu gì về việc hưởng di sản thừa kế ngoài anh Nh nên kỷ phần thừa kế của ông D được giao anh Nh quản lý, sử dụng, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[11] Đối với những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ph hiện không có yêu cầu gì về việc hưởng di sản thừa kế ngoài anh Nh nên kỷ phần thừa kế của ông Ph được giao anh Nh quản lý, sử dụng, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ xem xét, giải quyết trong vụ án khác.

[12] Đối với bà H và anh Th không muốn liên quan trong vụ án này và từ chối tham gia tố tụng nên không xem xét là có căn cứ.

[13] Về phần vàng bà Nh xuất ra chuộc đất ruộng do ông Ph cầm cố, nay yêu cầu anh Nh trả lại, thấy rằng: Thời điểm ông Ph đứng ra cố đất cho người khác thì phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông Ch và bà X và cũng là di sản chung chưa được phân chia của các thừa kế nên quyền lợi, nghĩa vụ về tài sản vẫn là của chung các thừa kế. Nay ông Ph đã chết, thừa kế của ông Ph do anh Nh đại diện

được phân chia 6.030m^2 đất ruộng tương đương hơn 4,6 công, tính chẵn 4,5 công, mỗi công 3,8 chỉ vàng 24K, làm tròn 17 chỉ vàng 24K buộc anh Nh có nghĩa vụ trả lại cho bà Nh là phù hợp.

[14] Về khoản tiền bà Nh cho anh Nh thuê đất: Như nhận định trên, phần đất ruộng bà Nh được chia sau khi trừ phần của bà V cho còn lại khoảng 4,5 công, mỗi công 10 giạ lúa, giá mỗi giạ 100.000đ, trong 05 năm, bà có quyền cho thuê trong phần diện tích này nên buộc anh Nh phải trả lại cho bà số tiền 22.500.000đ là phù hợp.

[15] Như phân tích, đánh giá nêu trên, xét thấy việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận. Việc đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn có căn cứ chấp nhận một phần.

[16] Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tổng số tiền 10.281.000đ do bà Nh tạm ứng thanh toán cho cơ quan chuyên môn nên những người được hưởng thừa kế theo kỷ phần của mình phải chịu chi phí tương ứng và có nghĩa vụ trả lại cho bà Nh theo quy định tại Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể tổng diện tích 32.516,3m^2 với tổng chi phí 10.281.000đ, tức mỗi mét vuông khoảng 316đ. Bà Nh được nhận 8.566,7m^2 tương đương 2.708.000đ; anh Nh được nhận 7.178,3m^2 tương đương 2.269.000đ; anh Nh được nhận 480,7m^2 tương đương 152.000đ; ông V được nhận 3.558,4m^2 tương đương 1.125.000đ; ông B được nhận 8.001,9m^2 tương đương 2.529.000đ; ông M được nhận 3.448,7m^2 tương đương 1.090.000đ.

[17] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nh, anh Nh, ông M, ông B, ông V thuộc đối tượng người cao tuổi, hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn cho họ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Nh đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại. Anh Nh phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết luận định giá thì giá đất ở nông thôn 240.000đ/m^2, đất vườn 30.000đ/m^2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 634, 636, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 100, 179, 188 của Luật đất đai;

- Căn cứ các Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Nh và yêu cầu phản tố của anh Lý Hoàng Nh về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Lý Tùng

Ch và bà Lê Thị X đối với phần đất có tổng diện tích 32.516,3m^2 theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 20/01/2022 của chi nhánh công ty TNHH TVXD – Đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau tại các thửa số 1, 2, 3, 4, 5 và bản vẽ tách diện tích thửa đất ngày 25/01/2022, tại các thửa từ 1A đến 1H, 2A đến 2C, phần đất tọa lạc tại ấp Tham Trơi B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (kèm theo bản vẽ).

- Chừa đường nước và lối đi chung, khu mộ gia đình cho các thừa kế sử dụng trong sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và chăm sóc khu mộ gia đình, có chiều ngang 3m, tính từ giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Thành đo qua (theo thửa 1A kéo dài đến thửa 2B và thửa 1G). Còn lại, các thừa kế của ông Ch và bà X được thừa hưởng, cụ thể như sau:

- Bà Lý Thị Nh được nhận phần đất ở và đất vườn chiều ngang mặt tiền giáp lộ bê tông 7,32m, chiều ngang mặt hậu giáp khu mộ gia đình 8m; tổng diện tích 482,8m^2, trong đó có 100m^2 đất ở (thửa 1C); phần đất trồng lúa có tổng diện tích 8.083,9m^2 (thửa 2C).

- Anh Lý Hoàng Nh được nhận phần đất ở và đất vườn chiều ngang mặt tiền giáp lộ bê tông 7,10m, chiều ngang mặt hậu giáp khu mộ gia đình 8m; tổng diện tích 569,8m^2, trong đó có 100m^2 đất ở (thửa 1B); một phần đất vườn từ khu mộ gia đình đến mí ruộng có diện tích 578,5m^2 (thửa 1H); phần đất trồng lúa có tổng diện tích 6.030,0m^2 (thửa 2A).

- Anh Lý Hồng Nh được nhận phần đất ở và đất vườn chiều ngang mặt tiền giáp lộ bê tông 7,32m, chiều ngang mặt hậu giáp khu mộ gia đình 8m; tổng diện tích 480,7m^2, trong đó có 100m^2 đất ở (thửa 1D).

- Ông Lý Văn V được nhận phần đất ở và đất vườn chiều ngang mặt tiền giáp lộ bê tông 7,02m, chiều ngang mặt hậu giáp khu mộ gia đình 10m; tổng diện tích 417,9m^2, trong đó có 100m^2 đất ở (thửa 1E); phần đất trồng lúa có tổng diện tích 3.140,5m^2 (thửa 3).

- Ông Lý Văn B được nhận phần đất ở và đất vườn chiều ngang mặt tiền giáp lộ bê tông 11,50m, chiều ngang mặt hậu giáp đất Hồ Thị Dận 9,47m; tổng diện tích 394,0m^2, trong đó có 100m^2 đất ở (thửa 1F); phần đất trồng lúa có tổng diện tích 7.607,9m^2 (thửa 4).

- Ông Lý Văn M được nhận phần đất trồng lúa có tổng diện tích 3.448,7m^2 (thửa 5).

2. Buộc anh Nh có nghĩa vụ trả cho bà Nh 17 chỉ vàng 24K và 22.500.000đ.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nh đòi anh Nh trả khoản tiền thuê đất chênh lệch 27.500.000đ.

4. Buộc anh Nh trả lại cho bà Nh chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá 2.269.000đ; anh Nh 152.000đ; ông V 1.125.000đ; ông B 2.529.000đ; ông M 1.090.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Xét miễn cho bà Nh, anh Nh, ông M, ông B, ông V. Anh Nh phải chịu 1.770.000đ (chưa nộp). Ngày 18/10/2018 bà Nh nộp tạm ứng 10.308.000đ, lai thu số 8814 và ngày 28/02/2019 bà Nh nộp tạm ứng 500.000đ, lai thu số 2772, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải